TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CỬA LÒ** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ - ST.
Ngày: 28/5/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CỬA LÒ, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thúy Vân

Bà Vũ Thị Thanh Hiền

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Cửa Lò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXX-ST ngày 15/5/2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1986. Nơi ĐKHKTT và cư trú tại: Khối T, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Ngọc M, sinh năm 1978. Nơi ĐKHKTT tại: Xóm Y, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Ngọc M tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 12 năm 2016 tại UBND phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống với nhau hòa thuận được hơn một năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng không hiểu nhau, không tìm được tiếng nói chung, nhiều bất đồng trong cuộc sống, chị N bị tàn tật không

giúp đỡ được chồng về kinh tế. Sau khi sinh con gái, tháng 5 năm 2019, chị N về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không hỏi han quan tâm đến nhau. Nay chị không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Ngọc M.

Về con chung: Chị và anh Phạm Ngọc M có 01 con chung là cháu Phạm Diệp C, sinh ngày 28/5/2019. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Diệp C. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện ngày 22/11/2019, chị yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng/tháng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị N yêu cầu tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh M.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Ngọc M trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện kết hôn, mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị N trình bày đã trình bày. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là hai vợ chồng không hiểu nhau, không tìm được tiếng nói chung, nhiều bất đồng trong cuộc sống. Chị N bị tàn tật, không giúp đỡ anh về công việc gia đình, kinh tế; anh thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm nên anh đồng ý ly hôn với chị N, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về con chung: Anh M trình bày, trong thời kỳ hôn nhân chị N có sinh cháu Phạm Diệp C vào ngày 28/5/2019. Tuy nhiên, anh cho rằng đó là con của chị N với người khác, không phải con chung của vợ chồng vì khi chị N mang thai anh đang ở nước ngoài. Anh M khai anh đi sang Trung Quốc làm ăn bằng con đường du lịch từ tháng 8/2018 âm lịch, ở được 3,4 tháng thì bị công an Trung Quốc bắt giam và đến ngày 23/01/2019 âm lịch thì anh được Công an Trung Quốc trả về Việt Nam. Vì vậy, anh không có nghĩa vụ phải chăm sóc nuôi dưỡng cháu Diệp C và anh cũng không đề nghị xét nghiệm AND vì anh không đủ điều kiện kinh tế.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81. 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử:

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phạm Ngọc M; về con chung: Giao con chung Phạm Diệp C, sinh ngày 28/5/2019 cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh M do chị N chưa yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được được ly hôn với anh Phạm Ngọc M có hộ khẩu thường trú tại xóm Y, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Anh M và chị N có văn bản thỏa thuận yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò giải quyết vụ án. Đây là Tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, chị N có mặt; anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Ngọc M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An vào ngày 19/12/2016, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do hai vợ chồng không hiểu nhau, nhiều bất đồng trong cuộc sống, kinh tế khó khăn, chị N bị tàn tật không làm ra kinh tế, không hỗ trợ được cho chồng nên mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Mặc dù đã được gia đình hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện và thực tế từ ngày 23/5/2019 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Xét thấy, việc vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc nhau là vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình, làm cho hôn nhân đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hiện tại, cả chị N và anh M đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phạm Ngọc M.

[3]. Về con chung: Theo chị N vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Diệp C, sinh ngày 28/5/2019. Anh M thừa nhận chị N sinh con trong thời kỳ hôn nhân với anh nhưng anh cho rằng đó không phải là con chung mà là con riêng của chị N với người khác. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án yêu cầu anh M cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cháu Diệp C không phải con chung giữa anh và chị N nhưng anh M không cung cấp được. Chị N khẳng định, anh M đi Trung Quốc vào cuối tháng 8 năm 2018 âm lịch, ở được khoảng 01 tháng thì anh M bị trục xuất về Việt Nam do cư trú bất hợp pháp. Sau khi anh M đi sang Trung Quốc thì chị mới biết mình có thai, chị có thai vào khoảng tháng 8 năm 2018 dương lịch. Sau khi về nước anh chị chung sống bình thường. Cho đến gần ngày sinh con, thời tiết nắng nóng chị về nhà bố mẹ đẻ để ở và sinh con thì anh M không quan tâm, hỏi han. Anh M cho rằng cháu C không phải con anh nên anh không qua lại, thăm nom, chăm sóc con. Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định *"Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng...."*; cháu Phạm Diệp C sinh ngày 28/5/2019 là đang trong thời kỳ hôn nhân giữa anh M và chị N. Vì vậy, căn cứ vào quy định của pháp luật thì cháu Phạm Diệp C là con chung của anh M và chị N.

Về quyền nuôi con chung: Ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Anh M cho rằng đó không phải là con của anh nên từ khi cháu Diệp C sinh ra anh M đã không nhận con và không chăm sóc, nuôi dưỡng con. Xét thấy, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên là nghĩa vụ và quyền của cha mẹ và việc giao con cho ai là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cần xem xét đến các điều kiện để đảm bảo sự phát triển tốt nhất về mọi mặt cho con. Hội đồng xét xử thấy rằng, từ lúc cháu Diệp C sinh ra cho đến nay, chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cùng với sự hỗ trợ của bố mẹ chị N cháu phát triển khỏe mạnh, bình thường; anh M không thừa nhận đó là con của mình và cũng không có trách nhiệm gì đối với con. Hơn nữa, cháu Diệp C đang còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi. Vì vậy, cần tiếp tục giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi trưởng thành là phù hợp, có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, do chị N chưa yêu cầu anh M cấp dưỡng nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh M.

[4].Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Ngọc M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5].Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly

hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Ngọc M được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Phạm Diệp C, sinh ngày 28/5/2019 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh M do chị N chưa yêu cầu. Anh Phạm Ngọc M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000232 ngày 05/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Chị N đã nộp đầy đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Phạm Ngọc M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND thị xã Cửa Lò;
- Chi cục THADS thị xã Cửa Lò;
- UBND phường Nghi Hòa, TX Cửa Lò;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trà Giang